Giá trị thặng dư là mức độ dôi ra ngoài giá trị sức lao động do công nhân tạo ra và bị nhà tư bản chiếm không, giá trị thặng dư là nguồn gốc hình thành lên thu nhập của các nhà tư bản và các giai cấp bóc lột trong chủ nghĩa tư bản.

Nghiên cứu học thuyết giá trị thặng dư của C. Mác cũng có nghĩa là chúng ta nghiên cứu học thuyết giữ vị trí “hòn đá tảng” trong toàn bộ lý luận kinh tế của C. Mác, một trong những phát hiện vĩ đại của C. Mác làm sáng tỏ bản chất của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Khi sức lao động trở thành hàng hóa thì tiền tệ mang hình thái là tư bản và gắn liền với nó là một quan hệ sản xuất mới xuất hiện: quan hệ giữa nhà tư bản và lao động làm thuê. Thực chất của mối quan hệ này là nhà tư bản chiếm đoạt giá trị thặng dư của công nhân làm thuê. Thực chất của mối quan hệ này là nhà tư bản chiếm đoạt giá trị thặng dư của công nhân làm thuê.

Có thể nói, qua giá trị thặng dư, bản chất của tư bản chủ nghĩa là bóc lột sức người lao động để tạo ra nhiều thặng dư hơn cho mình. Việc họ bóc lột công nhân càng nhiều thì giá trị thặng dư được tạo ra càng cao.

Giả định sản xuất 10 kg sợi cần 10 kg bông, giá 10 kg bông là 10 đô. Để biến số bông đó thành sợi, một công nhân phải lao động trong 6 giờ và hao mòn máy móc là 2 đô; giá trị sức lao động trong một ngày của người công nhân là 3 đô; trong một giờ lao động người công nhân đã tạo ra một giá trị là 0.5 đô; cuối cùng, ta giả định rằng trong quá trình sản xuất sợi đã hao phí theo thời gian lao động xã hội cần thiết.

Như vậy, nếu như quá trình lao động kéo dài đến cái điểm mà ở đó bù đắp được giá trị sức lao động (6 giờ), tức là bằng thời gian lao động cần thiết thì chưa có sản xuất giá trị thặng dư, do đó tiền chưa biến thành tư bản.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Chi phí sản xuất | Chi phí của sản phẩm mới |
| 1 | – Tiền mua bông là 20 đô la | – Giá trị của bông được chuyển vào sợi là 20 đô la |
| 2 | – Hao mòn máy móc là 4 đô la | – Giá trị của máy móc được chuyển vào sợi 4 đô la |
| 3 | – Tiền mua sức lao động trong một ngày là 3 đô la | – Giá trị do lao động của công nhân tao ra 12h lao động là 6 đô la |
| Tổng cộng: | 27 đô la | 30 đô la |

Như vậy, toàn bộ chi phí của nhà tư bản để mua tư liệu sản xuất và sức lao động là 27 đô la. Trong 12h lao động, công nhận tạo ra một sản phẩm mới có giá trị bằng 30  đô la, giá tị dôi ra là 3 đô la. Trong đó, phần giá trị mới dôi ra ngoài giá trị sức lao động là giá trị thặng dư.

Giá trị thặng dư tuyệt đối là phương pháp sản xuất giá trị thặng dư bằng cách thực hiện kéo dài thời gian lao động thặng dư nếu đáp ứng năng suất lao động, giá trị sức lao động và thời gian lao động tất yếu không đổi.

Giá trị thặng dư tương đối là phương pháp sản xuất giá trị thặng dư do rút ngắn thời gian lao động tất yếu bằng cách hạ thấp giá trị sức lao động, từ đó tăng thời gian lao động thăng dư lên khi điều kiện ngày lao động, cường độ lao động không thay đổi.

Ví dụ về giá trị thặng dư trong lao động?

Ví dụ 1: Có thể hiểu GTTD của Karl Marx là phần chênh lệch giữa giá trị hàng hoá và số tiền được có nhà tư bản bỏ ra.Trong quá trình kinh doanh, các nhà tư bản kinh doanh dưới hình thức tư liệu sản xuất sẽ gọi là tư bản bất biến và bỏ ra tiền để thuê mướn NLĐ gọi là tư bản khả biến.

Ví dụ 2: một NLĐ làm việc trong một ngày được giá trị sản phẩm là 1 đồng. Nhưng đến ngày thứ hai trở đi, trên cơ sở sức lao động đã bỏ ra ở ngày thứ nhất, NLĐ đó sẽ làm ra được 3 đồng. Số tiền chênh lệch đó chính là giá trị thặng dư sức lao động.

Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối: Là phương pháp sản xuất giá trị thặng dư bằng cách kéo dài thời gian lao động thặng dư trong khi năng suất lao động, giá trị sức lao động và thời gian lao động tất yếu không đổi.

Giá trị thặng dư tuyệt đối là giá trị thặng dư thu được từ việc kéo dài ngày lao động vượt giới hạn thời gian lao động cần thiết. Ngày lao động kéo dài còn thời gian lao động cần thiết không đổi dẫn đến thời gian lao động thặng dư tăng lên. Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối chính là kéo dài thời gian lao động thặng dư trong khi năng suất, giá trị và thời gian lao động tất yếu không đổi. Cơ sở chung của chế độ tư bản chủ nghĩa chính là sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối.

Mối quan hệ hàng hóa vs thặng dư giá trị

giá trị hàng hóa là 1 thuộc tính của hh, là hao phí ld, ld xh của người sx hh kết tinh trong hh đó

\*\*\*\* giá trị thặng dư là 1 bộ phận, giá trị thặng dư là 1 bộ phận của giá trị ms dôi ra ngoài giá trị hh sức ld do người công nhân tạo ra và thuộc về tư bản, khái niệm tư bản

khái niệm giá trị hàng hóa= c+v+m

giá trị thặng dư là m

--> giá trị thặng dư là 1 bộ phận của giá trị ms, giá trị thặng dư là 1 bộ phận cấu thành giá trị hàng hóa

giá trị hàng hóa ( khái niệm)nếu ld của người sx hh đc đề cập thì nó chỉ là giá trị tư nhân

giá trị hàng hóa bao gồm: c+v+m

sự giống và khác nhau giữa giá trị hàng hóa và giá trị thặng dư

điểm giống nhau: đều do hao phí ld của người tạo ra

điểm khác nhau:

giá trị hh biểu hiện mối qh giữa người sx hh

còn giá trị thặng dư thể hiện mối qh giữa người sở hữu tư liệu sx và người làm thuê

Một vật, khi đã là hàng hoá thì nhất thiết nó phải có giá trị sử dụng. Nhưng không phải bất cứ vật gì có giá trị sử dụng cũng đều là hàng hoá. Như vậy, một vật muốn trở thành hàng hóa thì giá trị sử dụng của nó phải là vật được sản xuất ra để bán, để trao đổi, cũng có nghĩa là vật đó phải có giá trị trao đổi.

Hàng hóa là một phạm trù lịch sử, nó chỉ xuất hiện khi có nền sản xuất hàng hóa, đồng thời sản phẩm lao động mang hình thái hàng hóa khi nó là đối tượng mua bán trên thị trường. Hàng hóa là sản phẩm của lao động, thỏa mãn mong muốn, nhu cầu nào đó của con người thông qua trao đổi hay mua bán.

3.1.1. Nguồn gốc của giá thị thặng dư

. Công thức chung của tư bản (T- H -T’)

Tiền là hình thái giá trị cuối cùng của sản xuất và lưu thông hàng hóa giản đơn đồng thời cũng là hình thức biểu hiện đầu tiên của tư bản.

- So sánh hai công thức

Lưu thông hàng hóa giản đơn: H - T - H

Lưu thông tư bản: T - H - T’

\* Điểm giống nhau:

+ Đều cấu thành hai nhân tố (Tiền và Hàng)

+ Đều chứa đựng hai hành vi đối lập nhau (Mua và Bán)

+ Đều biểu hiện quan hệ kinh tế giữa người mua và người bán.

\* Điểm khác nhau:

Lưu thông hàng hóa giản đơn: (H-T-H)

Bắt đầu bằng hành vi bán (H-T)

Kết thúc bằng hành vi mua (T-H)

Xuất phát và điểm kết thúc đều là hàng hóa, tiền chỉ đóng vai trò trung gian. Mục đích là giá trị sử dụng. Ví dụ…

Lưu thông hàng hóa tư bản: (T- H-T’)

Bắt đầu bằng hành vi mua (T-H)

Kết thúc bằng hành vi bán (H-T’)

Tiền vừa là điểm xuất phát, vừa là điểm kết thúc, còn hàng hóa chỉ đóng vai trò trung gian….

Mục đích của lưu thông tư bản là giá trị, và giá trị lớn hơn. Tư bản vận động theo công thức:

T- H - T’, trong đó T’= T+t; t là số tiền trội hơn được gọi là gía trị thặng dư và ký hiệu là (m). Số tiền ứng ra ban đầu với mục đích thu giá trị thặng dư trở thành tư bản.

Như vậy, tiền chỉ biến thành tư bản khi dùng để mang lại giá trị thặng dư cho nhà tư bản và (T- H-T’) được gọi là công thức chung tư bản, vì tất cả tư bản trong xã hội đều vận động nhằm mục đích mang lại giá trị thặng dư….

Mâu thuẫn của công thức chung của tư bản

Trong công thức T- H - T’, trong đó T’ = T + t. Vậy gía trị thặng dư (t) do đâu mà có?

Có câu hỏi đặt ra: Lưu thông có tạo ra giá trị và làm tăng thêm giá trị hay không? Thọat nhìn, hình như lưu thông tạo ra giá trị và giá trị thặng dư. Ta sẽ thấy mấy vấn đề đặt ra sau:

- Thứ nhất, nếu mua, bán ngang giá (đúng giá trị) thì chỉ có sự thay đổi hình thái: từ tiền thành hàng hoặc từ hàng thành tiền. Còn tổng số giá trị trong tay mỗi người tham gia trao đổi trước sau vẫn không thay đổi.

Thứ hai, nếu mua, bán không ngang giá hàng hóa có thể bán cao hơn hoặc thấp hơn giá trị. Nhưng trong nền kinh tế hàng hóa, mỗi người sản xuất hàng hóa đều là người bán đồng thời là người mua. (có lợi khi bán thì thiệt khi mua)

- Thứ ba, trường hợp chuyên mua rẻ bán đắt (mắc) thì tổng giá trị toàn xã hội cũng không hề tăng lên, bởi vì số giá trị mà họ thu được chẳng qua chỉ là sự ăn chặn, đánh cắp số giá

Nếu xét ngoài lưu thông tức là tiền để trong két, hàng hóa để trong kho thì cũng không sinh ra giá trị thặng dư.

Như vậy, giá trị thặng dư vừa sinh ra trong quá trình lưu thông, lại vừa không sinh ra trong quá trình lưu thông. Đó chính là mâu thuẫn của công thức chung tư bản.

Để giải quyết mâu thuẫn này C.Mác là người đầu tiên phân tích và giải quyết mâu thuẫn đó bằng lý luận về hàng hóa sức lao động.

trị của người khác mà thôi.

Hàng hóa sức lao động

a- Sức lao động và điều kiện để sức lao động thành hàng hóa.

Khái niệm sức lao động: sức lao động là toàn bộ những năng lực (thể lực và trí lực) tồn tại trong một con người và được người đó sử dụng vào sản xuất.

Lao động là hoạt động có mục đích của con người nhằm tạo ra các sản phẩm vật chất và tinh thần cho xã hội.

Sức LĐ tồn tại bên trong còn LĐ biểu hiện ra bên ngoài.

Giá trị sử dụng là công dụng của vật phẩm có thể thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người. Ví dụ: Giá trị sử dụng của cơm là để ăn, của áo là để mặc, của máy móc, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu là để sản xuất… Và ngay mỗi một vật cũng có thể có nhiều thuộc tính tự nhiên khác nhau, do đó nó có nhiều giá trị sử dụng hay công dụng khác nhau: gạo có thể dùng nấu cơm, nhưng gạo cũng có thể dùng làm nguyên liệu trong ngành rượu, bia hay chế biến cồn y tế.. số lượng giá trị sử dụng của một vật không phải ngay một lúc đã phát hiện ra được hết, mà nó được phát hiện dần dần trong quá trình phát triển của khoa học – kỹ thuật.

Giá trị sử dụng hay công dụng của hàng hóa là do thuộc tính tự nhiên của vật thể hàng hóa quyết định. Với ý nghĩa như vậy, giá trị sử dụng là một phạm trù vĩnh viễn. Giá trị sử dụng chỉ thể hiện khi con người sử dụng hay tiêu dùng, nó là nội dung vật chất của của cải, không kể hình thức xã hội của của cái đó như thế nào. Các Mác chỉ rõ: Chỉ có trong việc sử dụng hay tiêu dùng, thì giá trị sử dụng mới được thể hiện.

Con người ở bất kỳ thời đại nào cũng đều cần đến các giá trị sử dụng khác nhau của vật phẩm để thỏa mãn những nhu cầu muôn vẻ của mình.

Một vật khi đã là hàng hóa thì nhất thiết nó phải có giá trị sử dụng. Nhưng không phải bất cứ vật gì có giá trị sử dụng cũng đều là hàng hóa. Chẳng hạn, không khí rất cần cho cuộc sống con người. nhưng không phải là hàng hóa. Nước suối, quả dại cũng có giá trị sử dụng, nhưng cũng không phải là hàng hóa. Như vậy, một vật muốn trở thành hàng hóa thì giá trị sử dụng của nó phải là vật được sản xuất ra để bán, để trao đổi, cũng có nghĩa là vật đó phải có giá trị trao đổi. Trong kinh tế hàng hóa, giá trị sử dụng là vật mang giá trị trao đổi.

Muốn hiểu được giá trị hàng hóa phải đi từ giá trị trao đổi. Các Mác viết: “Giá trị trao đổi trước hết biểu hiện ra như là một quan hệ về số lượng, là một tỷ lệ theo đó những giá trị sử dụng loại này được trao đổi với những giá trị sử dụng loại khác”.

Ví dụ: 1 mét vải = 10 kg thóc.

Khi hai hàng hóa khác nhau là vải và thóc có thể trao đổi được với nhau, thì phải có một cơ sở chung nào đó: Cái chung đó không phải là giá trị sử dụng, tuy sự khác nhau về giá trị sử dụng của chúng là điều kiện cần thiết của sự trao đổi. Song, cái chung đó phải nằm ở cả hai hàng hóa. Nếu gạt giá trị sử dụng của sản phẩm sang một bên, thì giữa chúng chỉ có một cái chung: chúng đều là sản phẩm của lao động. Để sản xuất ra vải và thóc, nguời thợ thủ công và người nông dân đều phải hao phí lao động để sản xuất ra chúng. Hao phí lao động là cơ sở chung để so sánh vải với thóc, để trao đổi giữa chúng với nhau.

Sở dĩ phải trao đổi theo một tỷ lệ nhất định, (1m vải = 10kg thóc), vì người ta cho rằng lao động hao phí sản xuất ra lm vải bằng lao động hao phí để sản xuất ra 10kg thóc. Lao động hao phí để sản xuất ra hàng hóa ẩn giấu trong hàng hóa chính là giá trị của hàng hóa. Từ sự phân tích trên, rút ra kết luận: giá trị là lao động xã hội của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa.

Như vậy, chất của giá trị là lao động, vì vậy, sản phẩm nào không có lao động của người sản xuất kết tinh trong đó thì nó không có giá trị. Sản phẩm nào lao động hao phí để sản xuất ra chúng càng nhiều thì giá trị càng cao. Giá trị hàng hóa là biểu hiện quan hệ giữa những người sản xuất hàng hóa. Giá trị là một phạm trù lịch sử, gắn liền với nền sản xuất hàng hóa. Giá trị là nội dung, là cơ sở của giá trị trao đổi, còn giá trị trao đổi chỉ là hình thức biểu hiện của giá trị. Nếu giá trị sử dụng là thuộc tính tự nhiên, thì giá trị là thuộc tính xã hội của hàng hóa.